TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Thành**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung.
2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mộng T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Tuấn D năm 1991; Địa chỉ: Khóm L, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.
- Ông Diệp T1 sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Bà T, ông D và ông T1quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Mộng T trình bày:

Vào năm 2019, ông Nguyễn Chí L có mua thức ăn thủy sản của hộ kinh doanh H2, Hoàng Quyên 1 nhiều lần để nuôi cá tra có trả tiền, còn thiếu tiền thức ăn cho cá, trong sổ sách theo dõi công nợ thì phát hiện ông L còn nợ lại số tiền 13.870.000 đồng. Nay bà T9 cầu ông Nguyễn Chí L1 trả số tiền nợ thức ăn là 13.870.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Bị đơn Nguyễn Chí L trình bày:

Ông thừa nhận vào năm 2019 có mua thiếu thức ăn chăm nuôi cá tra bột tại hộ kinh doanh H2Hqua đối chiếu công nợ thì ông còn nợ lại phía cửa hàng số tiền 13.870.000 đồng. Nay ông đồng ý trả cho bà T14 tiền nợ mua bán là 13.870.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Diệp T1 T1cho rằng ông chỉ đứng tên trong giấy phép kinh doanh là đứng hộ cho bà Đỗ Thị Mộng T, không quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi cá, đồng thời nợ là do ông D1 nhân viên khác thu và theo dõi nợ. Nay ông đồng ý phần tiền nợ là của bà T2 bà T3 quyền đòi tiền các cá nhân thiếu nợ, ông không tranh chấp và không có yêu cầu gì.

Ông Huỳnh Tuấn D2 rằng, trước đây ông là nhân viên của cửa hàng H3ông có tham gia thu nợ của H Q1 do ông H1 bà T4 quyền cho ông D3 nợ và khởi kiện theo giấy ủy quyền, hộ ông L1là ông chưa thu nên bà T8 kiện thì ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luậ .

Về quan điểm về giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của bà T5 yêu cầu ông L2 cho H2đại diện bà T14 tiền gốc là 13.870.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 16/01/2023 có chữ ký của ông L9 hiện ông L3 nợ tiền mua bán thức ăn của bà T14 tiền 23.870.000 đồng, ông L4 trả cho bà T6 đồng, còn nợ lại 13.870.000 đồng. Ông L5 nhận còn nợ tiền bà T7 13.870.000 đồng và đồng ý trả cho bà T14 tiền 13.870.000 đồng. Ông L6 phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà TDo đó, bà T9 cầu ông L1 trả cho bà số tiền gốc là 13.870.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định tại Điều 357, 430, 440 BLDS năm 2015.

Ông L5 nhận còn nợ tiền bà T7 13.870.000 đồng và đồng ý trả cho bà T14 tiền 13.870.000 đồng là sự tự nguyện nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của bà T7 có căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 357, 430, 440, 468 BLDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị Mộng T8 kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí L phải trả tiền mua thức ăn chăn nuôi cá, theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Diệp T1 T1ông Huỳnh Tuấn D4 ý để bà T3 quyền khởi kiện ông Nguyễn Chí L.

2. Về nội dung vụ án:

Bà Đỗ Thị Mộng T9 cầu ông Nguyễn Chí L phải trả tiền nợ thức ăn chăn nuôi cá tra với số tiền 13.780.000 đồng, bà T16 yêu cầu tính lãi suất và lãi chậm thi hành án. Tại phiên Tòa ông L7 nhất trả cho bà T14 tiền 13.870.000 đồng.

3. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Bà T10 cung cấp cho Tòa án 01 sổ theo dõi bán thức ăn cho ông L8 theo dõi nợ có chữ ký nhận nợ Nguyễn Chí L9 hiện ông L11 nợ số tiền 13.870.000 đồng.

Khi mua thức ăn chăn nuôi cá trong vụ sau khi thu hoạch thì phải trả nợ nếu không trả nợ được thì phải chịu lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 440 "Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357…" Bộ luật dân sự năm 2015. Ông L10 thừa nhận nợ và đồng ý trả tiền cho bà T11 Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Đối với số nợ liên hệ mua hàng tại của hàng hoàng Quyên 1 tại thị trấn T, huyện T T1đứng tên trong giấy phép kinh doanh, mua bán thức ăn chăn nuôi cá cho ông L là của gia đình bà Thường trực T2bán, cho nên ông T1đồng ý cho bà T12 ra khởi kiện vì tài sản của bà.

[3.3] Đối với ý kiến của ông Huỳnh Tuấn D5 nhân viên của cửa hàng, ông Duy T13 H1đòi nợ cho hộ kinh doanh H2, cho rằng khi thu nợ ông D chưa thu nợ của ông Nguyễn Chí L.

Từ [3.1] – [3.3] Hội đồng xét xử nhận định: Ông Nguyễn Chí L còn nợ bà Đỗ Thị Mộng T14 tiền 13.870.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của bà Đỗ Thị Mộng T được chấp nhận nên ông Nguyễn Chí L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Mộng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị Mộng T15 với ông Nguyễn Chí L về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Ông Nguyễn Chí L11 nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Mộng T14 tiền 13.870.000 đồng (Mười ba triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

Không tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Chí L phải chịu 694.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Mộng T16 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà T17 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002240 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Thành

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THA DS;*
- *Các Đ/s;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*